

Số: 187 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Nâng cao chỉ số đánh giá, cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022

Căn cứ Nghị Quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các bộ, tỉnh năm 2021 (DTI 2021) do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố ngày 08/8/2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số đánh giá, cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nâng cao chỉ số đánh giá, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh;

- Cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số, từng bước nâng thứ hạng của tỉnh trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI); phấn đấu đến năm 2025 Tuyên Quang là một trong những tỉnh xếp hạng khá, đến năm 2030 là tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc.

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số bám sát yêu cầu thực tế, mang lại hiệu quả rõ rệt trong xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

II. NỘI DUNG

1. Phân tích kết quả xếp hạng chuyển đổi số năm 2021

1.1. Giới thiệu tổng quan về bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI)

Ngày 20/5/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định 922/QĐ-BTTTT phê duyệt Đề án Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là Bộ chỉ số DTI). Theo đó, Bộ chỉ số DTI cấp tỉnh gồm **09** chỉ số chính với **98** chỉ số thành phần. Cụ thể:

- **09** chỉ số chính được phân thành 02 nhóm là *Nhóm chỉ số nền tảng chung* và *Nhóm chỉ số về hoạt động*.

+ Nhóm chỉ số nền tảng chung gồm **06 chỉ số chính** là: Nhận thức số (10 chỉ số thành phần: CSTP), Thê chế số (11 CSTP), Hạ tầng số (7 CSTP), Nhân lực

số (13 CSTP), An toàn thông tin mạng (12 CSTP), Đô thị thông minh (0 CSTP);

+ Nhóm chỉ số về hoạt động gồm **03 chỉ số chính**: Hoạt động chính quyền số (22 CSTP), Hoạt động kinh tế số (12 CSTP), Hoạt động xã hội số (8 CSTP).

- Phân theo 3 trụ cột:

+ Trụ cột chính quyền số có 07 chỉ số chính, trong đó gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động chính quyền số.

+ Trụ cột kinh tế số có 07 chỉ số chính, trong đó gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động kinh tế số.

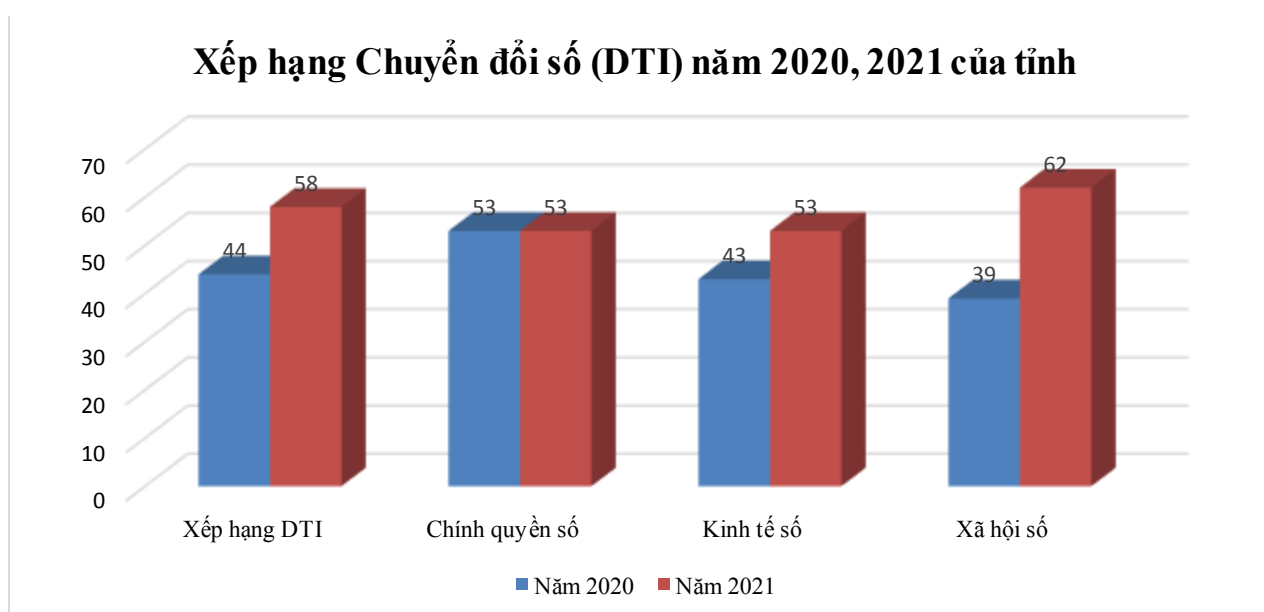
+ Trụ cột xã hội số có 07 chỉ số chính, trong đó gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động xã hội số.

1.2. Phân tích, đánh giá chung chỉ số DTI năm 2021

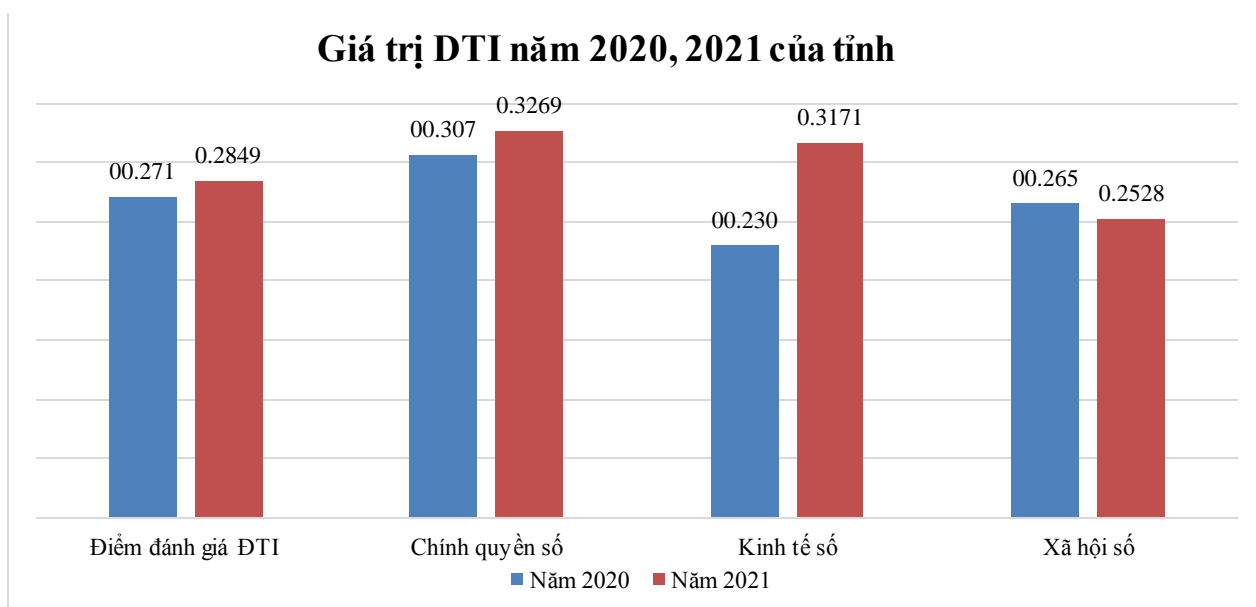
Năm thứ hai Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, Bộ chỉ số đánh giá năm 2021 (theo Quyết định 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022) khác nhiều so với Bộ chỉ số đánh giá năm 2020 (theo Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020) của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Khác với năm 2020, điểm DTI 2021 của các tỉnh, thành phố không phải là tổng điểm của 03 trụ cột Chính quyền số; Kinh tế số và Xã hội số mà là tổng điểm của 09 chỉ số chính với 98 chỉ số thành phần.

1.2.1. Xếp hạng chung chuyển đổi số của tỉnh



Biểu đồ 1: Xếp hạng Chuyển đổi số (DTI) năm 2020, 2021 của tỉnh.



Biểu đồ 2: Giá trị DTI năm 2020, 2021 của tỉnh.

- **DTI 2021** của tỉnh là **0,2849** (tăng 0,0135 so với DTI 2020), xếp hạng **58/63** tỉnh, thành phố (tụt 14 bậc, năm 2020 xếp hạng 44)

(Chi tiết tại Biểu đồ 1 và Biểu đồ 2)

1.2.2. Xếp hạng các chỉ số chính

STT	Chỉ số	Giá trị	Hạng
1	Nhận thức số	0,3750	50
2	Thế chế số	0,4000	42
3	Hạ tầng số	0,4291	41
4	Nhân lực số	0,2145	31
5	ATTTM	0,1667	57
6	Hoạt động chính quyền số	0,3518	45
7	Hoạt động kinh tế số	0,3339	43
8	Hoạt động xã hội số	0,0392	63

1.3. Đánh giá tóm tắt các tiêu chí theo các chỉ số chính

1.3.1. Nhận thức số (Có 10 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 03 (1.1, 1.5, 1.6).

+ Người đứng đầu Tỉnh, thành phố (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, thành phố) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh.

+ Công thông tin điện tử của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

+ Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 02 (1.2, 1.3).

+ Bí thư/Chủ tịch tham gia tất cả các phiên họp của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số.

+ Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu tỉnh, thành phố (Chủ tịch tỉnh, thành phố) ký.

Lý do: Có 01 phiên họp của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số đ/c Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh trùng lịch công tác không dự chủ trì tại điểm cầu Ủy ban nhân tỉnh; một số Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số không phải do người đứng đầu tỉnh, thành phố (Chủ tịch Tỉnh, thành phố) ký.

- Các tiêu chí không đạt điểm: 05 (1.4, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10).

+ Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số.

+ Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

+ Tần suất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, thành phố phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

+ Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

+ Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

Lý do: Không có các tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí trên.

1.3.2. Thẻ chế số (Có 11 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 04 (2.1, 2.3, 2.5, 2.11).

+ Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của tỉnh, thành phố.

+ Kế hoạch hành động hằng năm của tỉnh, thành phố về chuyển đổi số.

+ Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, thành phố.

+ Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 0.

- Các tiêu chí không đạt điểm: 07 (2.2, 2.4, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9, 1.10).

+ Kế hoạch hành động 5 năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số.

+ Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

+ Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số.

+ Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số.

+ Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số.

+ Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

+ Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT).

Lý do: Tỉnh chưa ban hành các văn bản thuộc các tiêu chí trên.

1.3.3. Hạ tầng số (Có 07 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 0.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 04 (3.1, 3.2, 3.3, 3.6).

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

+ Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh.

+ Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang.

+ Số lượng nền tảng số đã triển khai.

Lý do: Cách tính theo tỷ lệ (triển khai được bao nhiêu tính điểm bấy nhiêu; số lượng nền tảng số đã triển khai: Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định tỉnh mới triển khai 01 nền tảng là LGSP).

- Các tiêu chí không đạt điểm: 03 (3.4, 3.5, 3.7).

Với 05 tiêu chí thành phần, gồm:

+ Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số.

+ Số lượng nền tảng số triển khai tập trung tại Trung tâm dữ liệu.

+ Kết nối Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

+ Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

+ Số lượng Ủy ban nhân dân cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

Lý do: Một số nội dung tỉnh chưa triển khai thực hiện; một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông sử dụng số liệu của Cục Bưu điện Trung ương.

1.3.4. Nhân lực số (Có 13 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 0.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 02 (4.8, 4.9).

+ Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số.

+ Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số.

Lý do: Cách tính theo tỷ lệ (triển khai được bao nhiêu tính điểm bấy nhiêu).

- Các tiêu chí không đạt điểm: 11 (4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.10, 4.11, 4.12, 4.13).

+ Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

+ Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

+ Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch.

+ Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số.

+ Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

+ Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng.

+ Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số.

+ Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số.

+ Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

+ Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm.

+ Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã.

Lý do: Một số nội dung tình chưa triển khai thực hiện trong năm 2021; một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông không công nhận tài liệu kiểm chứng đã cung cấp của địa phương).

1.3.5. An toàn thông tin mạng (Có 12 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 02 (5.2, 5.5).

+ Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

+ Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 0.

- Các tiêu chí không đạt điểm: 10 (5.1, 5.3, 5.4, 5.6, 5.7, 5.8, 5.9, 5.10, 5.11, 5.12).

- + Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ.
- + Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).
- + Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).
- + Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).
- + Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.
- + Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng.
- + Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai.
- + Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước.
- + Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước.
- + Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT), bao gồm: Kinh phí chung chi cho ATTT; kinh phí giám sát ATTT; kinh phí kiểm tra, đánh giá ATTT; kinh phí diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT; kinh phí đào tạo, tập huấn ATTT; kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT.

Lý do: Một số nội dung tình chưa triển khai thực hiện trong năm 2021; một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông sử dụng số liệu cung cấp của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC); một số chỉ tiêu Bộ Thông tin và Truyền thông không chấp nhận tài liệu kiểm chứng do địa phương cung cấp).

1.3.6. Hoạt động chính quyền số (có 22 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 03 (6.5, 6.8, 6.11).
- + Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.
- + Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình.
- + Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến.
- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 05 (6.3, 6.6, 6.7, 6.9, 6.12).
- + Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.
- + Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

+ Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh, thành phố.

+ Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin.

+ Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến.

Lý do: Một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông không công nhận tài liệu kiểm chứng đã cung cấp của địa phương).

- Các tiêu chí không đạt điểm: 14 (6.1, 6.2, 6.4, 6.10, 6.13, 6.14, 6.15, 6.16, 6.17, 6.18, 6.19, 6.20, 6.21, 6.22).

+ Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định.

+ Triển khai Cổng dữ liệu mở.

+ Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT.

+ Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa.

+ Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT.

+ Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung.

+ Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước.

+ Triển khai nền tảng hợp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc tỉnh, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân.

+ Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước.

+ Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.

+ Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của Chính quyền số.

+ Tổng chi Ngân sách nhà nước cho Chính quyền số.

Lý do: Một số nội dung tỉnh chưa triển khai thực hiện trong năm 2021; một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông không công nhận tài liệu kiểm chứng đã cung cấp của địa phương).

1.3.7. Hoạt động kinh tế số (Có 12 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 01 (7.8).

+ Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định.

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 01 (7.9).

+ Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart.

Lý do: Cách tính điểm theo tỷ lệ triển khai được bao nhiêu tính điểm bấy nhiêu.

- Các tiêu chí không đạt điểm: 10 (7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.10, 7.11, 7.12).

+ Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

+ Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT).

+ Số lượng doanh nghiệp nền tảng số.

+ Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử; số lượng tên miền .vn.

+ Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số.

+ Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số.

Lý do: Một số tiêu chí chưa có số liệu kiểm chứng, chưa triển khai thực hiện trong năm 2021; một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông không công nhận tài liệu kiểm chứng đã cung cấp của địa phương).

1.3.8. Hoạt động xã hội số (có 08 tiêu chí chính)

- Các tiêu chí đạt điểm tối đa: 01 (8.4)

+ Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình).

- Các tiêu chí không đạt điểm tối đa: 03 (8.3, 8.5, 8.8).

+ Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

+ Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.

+ Mức độ người dân được tham gia cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.

Lý do: Cách tính điểm theo tỷ lệ triển khai được bao nhiêu tính điểm bấy nhiêu.

- Các tiêu chí không đạt điểm: 04 (8.1, 8.2, 8.6, 8.7).

+ Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử.

+ Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

+ Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.

+ Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.

Lý do: Một số tiêu chí không có số liệu và tài liệu kiểm chứng; một số tiêu chí Bộ Thông tin và Truyền thông không công nhận tài liệu kiểm chứng đã cung cấp của địa phương).

1.3.9. Đô thị thông minh (có 03 tiêu chí)

+ Ban hành và triển khai đề án phát triển Đô thị thông minh.

+ Ban hành kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh.

+ Thực hiện đo lường chỉ số KPI phát triển Đô thị thông minh.

Bộ Thông tin và Truyền thông không thực hiện đánh giá tiêu chí *Đô thị thông minh* trong năm 2021 (sẽ thực hiện đánh giá trong các năm tiếp theo).

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Nhận thức số

- Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh thường xuyên phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giúp Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh ký các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số.

- Sở Thông tin và Truyền thông tích cực hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện - Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao cấp huyện, trạm truyền thanh cấp xã xây dựng các chuyên mục về chuyển đổi số và tăng tần suất phát về chuyển đổi số trên các hệ thống truyền thanh cơ sở ở địa phương ít nhất 01 lần/tuần (*thể hiện bằng các văn bản để làm tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh trong các năm tiếp theo*).

- Báo Tuyên Quang Online, Cổng Thông tin điện tử tỉnh thường xuyên cập nhật tin, bài viết về chuyển đổi số; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số và có lịch phát sóng cụ thể (tần suất phát sóng ít nhất 01 lần/1 tuần).

2.2. Thể chế số

- Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, địa phương triển khai các hình thức khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ động lồng ghép các nội dung về giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh trong các hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm (có Kế hoạch và nội dung minh chứng); nghiên cứu tham mưu ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; ban hành chính sách thuê chuyên gia công nghệ số; phối hợp với Sở Tài chính có văn bản định kỳ hàng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho

chuyên đổi số và lồng ghép nội dung phổ biến công tác chi cho chuyên đổi số vào các lớp tập huấn định kỳ (có Kế hoạch và nội dung minh chứng).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi số.

- Sở Tài chính căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyên đổi số.

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu bố trí ngân sách đảm bảo chi cho chuyên đổi số của tỉnh với tỷ lệ khoảng **1%** tổng chi ngân sách hàng năm và giai đoạn 2021-2025.

2.3. Hạ tầng số

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật dữ liệu ngành, địa phương vào các nền tảng dùng chung khi triển khai; thúc đẩy sử dụng các nền tảng số phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ chuyên đổi số.

- Sở Thông tin và Truyền thông sớm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, công bố các nền tảng dùng chung theo khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông; đồng thời tham mưu nâng cấp, bổ sung Trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ điện toán đám mây và kết nối với hệ thống điện toán đám mây của Chính phủ khi có có hướng dẫn; triển khai các nền tảng số ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI).

- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh; hộ gia đình có cáp quang trên cơ sở đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp.

2.4. Nhân lực số

- Sở Thông tin và Truyền thông sớm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyên đổi số vào chức năng, nhiệm vụ của Sở; phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách đãi ngộ cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm công nghệ thông tin cũng như chuyên đổi số.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng nghề kỹ nghệ tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện nhằm thúc đẩy tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyên đổi số.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch tập huấn nhằm tăng tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số.

- Các địa phương rà soát, quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, chỉ đạo hoạt động hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng, tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn trực

tuyển trên công đào tạo <https://onetouch.mic.gov.vn/> của Bộ Thông tin và Truyền thông; ưu tiên tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng,...; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyển đổi số do tỉnh tổ chức hoặc địa phương tổ chức; đồng thời hàng năm chủ động tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ ở địa phương (*ngoài các chương trình chung của tỉnh*); phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người dân trên địa bàn.

2.5. An toàn thông tin mạng

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin (nếu có) và triển khai phương án thực hiện theo hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phấn đấu 100% số lượng máy chủ, máy tính làm việc trong các cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đầy đủ các bước, giải pháp trong việc giám sát an toàn thông tin mạng các hệ thống thông tin của tỉnh, như: Đảm bảo 04 bước an toàn thông tin, đánh giá hệ thống thông tin hàng năm, kết nối báo cáo với hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng Quốc gia, theo dõi, giám sát an toàn thông tin ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu nâng cao chất lượng đội ứng cứu sự cố mạng máy tính của tỉnh.

- Hàng năm, các cơ quan, đơn vị tổng hợp kinh phí chi cho an toàn thông tin, cung cấp số liệu về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, làm tài liệu kiểm chứng phục vụ thực hiện đánh giá chuyển đổi số của tỉnh.

2.6. Hoạt động Chính quyền số

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tích cực tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh để sử dụng DVCTT mức độ 3, 4;... làm căn cứ thống kê tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm và thống kê, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm tăng tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến lên trên 50% vào cuối năm 2022, 80% vào cuối năm 2025.

- Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Tham mưu triển khai các nhiệm vụ: Nâng cấp Cổng thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định và chuyển đổi sang công nghệ IPv6; triển khai Cổng dữ liệu mở của tỉnh; chuyển đổi sang công nghệ IPv6 cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT, phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp; triển khai, thúc đẩy tăng tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), tăng tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng

tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh để khai thác các CSDL của các Bộ, ngành ở Trung ương;...

+ Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ nhằm tăng tỷ lệ DVCTT 3, 4 được điền sẵn thông tin và người dân, doanh nghiệp không cần khai báo lại; tăng tỷ lệ DVCTT 3, 4 được cá thể hóa; tăng tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến.

+ Tham mưu, triển khai các nền tảng gồm: Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; triển khai nền tảng hợp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị đến từng thiết bị cá nhân; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức; triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số;...

- Hằng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp kinh phí chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số (gồm nguồn đầu tư, nguồn chi thường xuyên) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, làm tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

2.7. Hoạt động kinh tế số

- Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện xác định các chỉ số như: Giá trị tăng thêm của kinh tế số; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP;...

- Sở Công thương chủ trì, cung cấp số liệu về số lượng doanh nghiệp sử dụng Hợp đồng điện tử trên địa bàn; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;... làm tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh.

- Cục Thuế tỉnh chủ trì, cung cấp số liệu về số lượng doanh nghiệp nộp thuế điện tử; tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu việc thúc đẩy và xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số, tiếp cận và tham gia chương trình SMEdx; xác định tổng kinh phí đầu tư cho kinh tế số hàng năm; cung cấp các số liệu liên quan đến doanh nghiệp làm tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh.

- Sở Tài chính xác định tổng kinh phí chi thường xuyên cho kinh tế số hàng năm, cung cấp số liệu cho Sở Thông tin và Truyền thông phục vụ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các giải pháp thúc đẩy nhanh việc giao dịch trên sàn thương mại điện

từ Vò sò và Postmart trê địa bàn tỉnh, nhằm tăng tỷ lệ các giao dịch trên các sàn thương mại điện tử.

2.8. Hoạt động Xã hội số

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc xử lý các vấn đề góp ý, thắc mắc của người dân, kịp thời tạo niềm tin cho người dân tham gia xây dựng chính quyền và giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì cùng các cơ quan, đơn vị, địa phương thúc đẩy tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ năng số thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng; tăng cường các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng; có giải pháp thúc đẩy nhanh việc cấp địa chỉ số cho hộ gia đình.

- Công an tỉnh cung cấp số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xác định tổng kinh phí đầu tư cho xã hội số hàng năm.

- Sở Tài chính chủ trì xác định tổng kinh phí chi thường xuyên cho xã hội số hàng năm.

- Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang chủ trì, phối hợp với các tổ chức đẩy mạnh tuyên truyền nhằm tăng cường hỗ trợ người dân mở các tài khoản giao dịch tại ngân hàng. Cung cấp số lượng khách hàng từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác cho Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, làm căn cứ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh.

- Viễn thông Tuyên Quang; Viettel Tuyên Quang cung cấp số liệu về số lượng khách hàng từ 15 tuổi trở lên có tài khoản Mobile money (gồm Viettel money và VNPT money).

- Các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số công cộng có giải pháp hỗ trợ người dân ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; cung cấp số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số (CA) hoặc chữ ký điện tử cá nhân;... cho Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, làm căn cứ đánh giá chuyển đổi số của tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Ngân sách nhà nước theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện và các nhiệm vụ được phân công vụ thể của từng đơn vị; tham gia, tạo điều kiện

phối hợp các cơ quan tổ chức triển khai kế hoạch nhằm góp phần thực hiện đảm bảo mục đích, yêu cầu đề ra.

- Báo cáo kết quả triển khai kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 15/12/2022 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Nâng cao chỉ số đánh giá, cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022; các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- BCĐ CCHC&CĐS tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp Viễn thông;
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTT tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TG CNTT 02.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn